

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2018/DS-ST.
Ngày: 27-3-2019.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn;
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Mai H, sinh năm 1970 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: 99/4 ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Trú tại: 48/2 ấp АД, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2018 và trong quá trình tố tụng chị H trình bày:

Vào ngày 16/11/2017, chị Phạm Thị Mai H có cho bà **Nguyễn Thị B** vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay đến ngày 16/5/2018 bà **B** sẽ hoàn trả số tiền đã vay. Bà **B** đã ghi biên nhận nợ đối với số tiền đã

vay của bà Hoa. Đến ngày 16/5/2018, bà B không hoàn trả số tiền đã vay mà cũng không trả số tiền lãi đã thỏa thuận. Bà Hoa đã gặp bà B nhiều lần để yêu cầu bà B hoàn trả số tiền đã vay và tiền lãi nhưng bà B không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Hoa. Vì vậy, chị H khởi kiện yêu cầu bà B hoàn trả nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/5/2018, với lãi suất 1,6%/tháng là 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền nợ lãi từ ngày 17/5/2018 đến ngày 01/11/2018, lãi suất là 0,83%/tháng là 12.450.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà B vẫn không đồng ý hoàn trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của chị H.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B trả 01 lần dứt nợ với số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 41.250.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Đồng thời yêu cầu bà B trả tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 08/12/2018 đến ngày giải quyết xong vụ án, lãi suất 0,83%/tháng.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị B theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Mai H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và bà B.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa chị Phạm Thị Mai H và bà Nguyễn Thị B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng vay tài sản này hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng theo nội dung Biên nhận ngày 16/11/2017, bà B đã xác nhận có vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của chị H, bà B cam kết sẽ hoàn trả số tiền đã vay vào ngày 16/5/2018. Điều này phù hợp với số tiền mà chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mai H phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm

2015 nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của chị H từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/5/2018, với lãi suất 1,6%/tháng tương ứng với số tiền là 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Theo yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H trình bày đã cho bà B vay số tiền 300.000.000đ với lãi suất 4%/tháng. Việc thỏa thuận này không thể hiện trong biên nhận vay tiền và cũng không có căn cứ nào khác để chứng minh việc này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị H từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/5/2018, với lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với số tiền là 14.400.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng);

Xét yêu cầu tính lãi của chị H từ ngày 17/5/2018 đến ngày 01/11/2018, lãi suất là 0,83%/tháng là 12.450.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu bà B trả tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 08/12/2018 đến ngày giải quyết xong vụ án, lãi suất 0,83%/tháng, Từ ngày vay tiền cho đến ngày Tòa án thụ lý vụ án, bà B không trả tiền nợ lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, lãi phát sinh do chậm trả tiền nhưng giữa chị H và bà B không có thỏa thuận nên áp dụng khoản 2 Điều 468 để tính lãi phát sinh từ ngày 09/12/2018 đến ngày 27/3/2019 theo lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với số tiền $300.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times (3 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}) = 8.964.000đ$ (Tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Do đó, yêu cầu này của chị H phù hợp theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận.

[6] Trong nội dung biên nhận ngày 16/11/2017 mà bà B vay tiền và cam kết trả nợ cho chị H còn có nội dung bà B vay số tiền này thay cho bà Nguyễn Thị Bé Tâm. Việc vay tiền này là do bà B trực tiếp vay của chị H, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả nợ cho chị H nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo yêu cầu của chị H. Việc bà B vay dùm cho bà Nguyễn Thị Bé Tâm, nếu có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mai H. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mai H số tiền là 335.814.000đ (Ba trăm ba mươi lăm triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng);

[Trong đó: Tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); tiền nợ lãi từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/5/2018 là 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); tiền nợ lãi từ ngày 17/5/2018 đến ngày 01/11/2018 là 12.450.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 09/12/2018 đến ngày 27/3/2019 là 8.964.000đ (Tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)].

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm nộp số tiền 16.790.700đ (Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn bảy trăm đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho chị Phạm Thị Mai H số tiền tạm ứng án phí là 8.531.250đ (Tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0021522 ngày 07/12/2018.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương